



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777; Fax: + 84 (4) 666 43 777; Email: ifc@ifcvieta.com.vn; Website: www.ifcvieta.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 28 THÁNG 5 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



Thành viên hãng **agn International** / Member Firm of **agn International**

Kiểm toán/Audit · Kế toán/Accounting · Tư vấn thuế/Tax Consulting · Tài chính/Finance

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Càn	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Huy Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Nhân	Thành viên
Ông Lê Sỹ Sen	Thành viên
Ông Dương Văn Hóa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Huy Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Sỹ Sen	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và Tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

HA
A
NI
V.V.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hữu Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2017

THANH HÓA



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 174.03/2017/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu với số tiền là 329.954.110.145 đồng. Trong khi đó, số lượng cổ phần tại ngày này của Công ty là 31.827.700 cổ phần tương ứng với giá trị vốn góp của chủ sở hữu là 318.277.000.000 đồng. Việc Công ty ghi nhận số tiền chênh lệch 11.677.110.145 đồng là vốn góp của nhà nước dựa trên tài sản được bàn giao làm cho chỉ tiêu vốn góp của chủ sở hữu bị ghi tăng và chỉ tiêu phải trả khác bị ghi giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền tương ứng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 5 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Handwritten signature of Nguyễn Nam Cường

Nguyễn Nam Cường
Phó tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho:

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2017

Handwritten signature of Nguyễn Thị Thanh Hoa

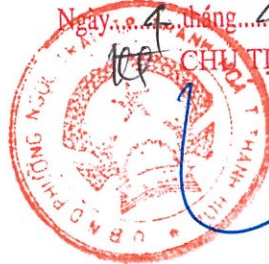
Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2013-072-01

UBND PHƯỜNG NGỌC TRẠO - TP. THANH HOÁ
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2641... Quyền số: 01... SCT/BS

Ngày: 4 tháng 4 năm 2017



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Vân



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

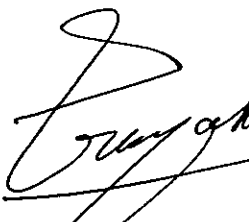
MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	28/05/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		123.790.545.770	98.986.075.854
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.434.036.069	24.236.303.555
1. Tiền	111		2.434.036.069	10.836.303.555
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.000.000.000	13.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		58.412.834.144	49.340.601.727
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	46.303.408.638	33.330.039.142
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		121.080.745	476.113.593
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	16.450.791.761	15.534.448.992
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.462.447.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		24.598.881.597	24.940.972.125
1. Hàng tồn kho	141	V.4	24.598.881.597	24.940.972.125
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		344.793.960	468.198.447
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		267.101.216	236.108.442
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		77.692.744	232.090.005
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		498.850.321.190	452.799.238.715
I. Tài sản cố định	220		490.592.169.510	424.602.510.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	490.567.907.839	424.535.196.295
- Nguyên giá	222		965.395.796.279	871.258.142.721
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(474.827.888.440)	(446.722.946.426)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	24.261.671	67.314.182
- Nguyên giá	228		369.021.550	369.021.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(344.759.879)	(301.707.368)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.449.080.859	19.541.138.436
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	3.449.080.859	19.541.138.436
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.809.070.821	8.655.589.802
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	4.809.070.821	8.655.589.802
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		622.640.866.960	551.785.314.569

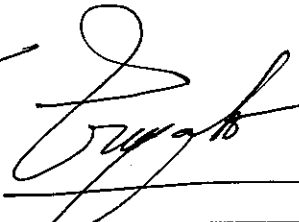
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	28/05/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		287.050.551.845	221.831.204.424
I. Nợ ngắn hạn	310		96.912.443.935	74.650.870.519
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	14.866.533.416	8.649.608.053
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.511.484.328	2.438.142.755
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	1.389.379.754	1.473.951.433
4. Phải trả người lao động	314		4.723.869.321	1.732.840.747
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	12.288.942.084	6.821.210.076
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	48.202.441.436	38.364.115.807
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	-	5.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.929.793.596	10.171.001.648
II. Nợ dài hạn	330		190.138.107.910	147.180.333.905
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	190.138.107.910	147.180.333.905
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		335.590.315.115	329.954.110.145
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	335.590.315.115	329.954.110.145
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		329.954.110.145	329.954.110.145
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		329.954.110.145	329.954.110.145
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.636.204.970	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5.636.204.970	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		622.640.866.960	551.785.314.569



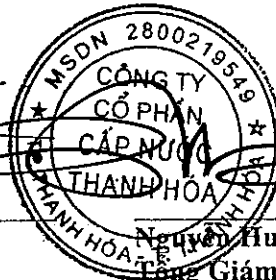
Hồ Chí Trung
Người lập



Hồ Chí Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2017

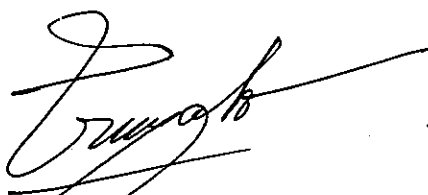


RAI KI TU

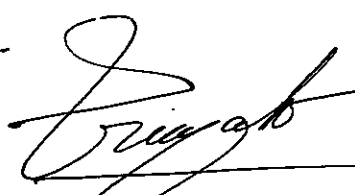
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 28/05/2016 đến ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 27/05/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	183.990.695.356	97.111.943.473
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.429.900	457.190.510
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		183.986.265.456	96.654.752.963
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	138.005.753.353	72.229.676.253
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.980.512.103	24.425.076.710
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.306.966.427	486.229.876
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4.452.774.139	3.215.584.814
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.452.774.139	3.215.584.814
8. Chi phí bán hàng	25		14.998.638.169	8.645.507.293
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		20.815.875.933	8.799.715.057
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.020.190.289	4.250.499.422
11. Thu nhập khác	31		46.812.090	-
12. Chi phí khác	32		21.746.166	-
13. Lợi nhuận khác	40		25.065.924	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.045.256.213	4.250.499.422
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	1.409.051.243	847.172.964
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.636.204.970	3.403.326.458
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	168	-
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		168	-

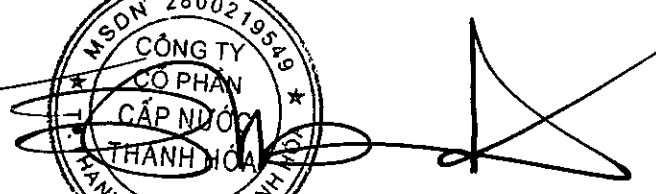


Hồ Chí Trung
Người lập



Hồ Chí Trung
Kế toán trưởng





Nguyễn Huy Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2017

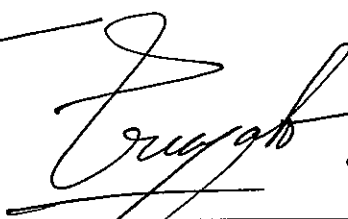
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 28/05/2016 đến 31/12/2016

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 27/05/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	190.403.118.073	102.651.456.285
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(96.637.155.032)	(34.507.365.544)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(35.982.076.612)	(23.922.212.753)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(8.640.956.584)	(114.436.684)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.710.957.451)	(641.310.862)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	13.980.651.204	1.027.562.587
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(29.273.837.758)	(40.700.501.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	32.138.785.840	3.793.191.189
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	(53.918.201.786)	(16.800.225.428)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(12.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	16.400.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.374.455	373.345.308
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(53.898.827.331)	(12.026.880.120)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	53.918.201.786	9.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.960.427.781)	(885.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	37.957.774.005	8.115.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	16.197.732.514	(118.688.931)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.236.303.555	24.354.992.486
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	40.434.036.069	24.236.303.555

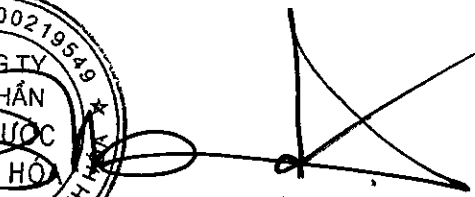


Hồ Chí Trung
Người lập



Hồ Chí Trung
Kế toán trưởng




Nguyễn Huy Nam
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2800219549 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 27/05/2016. Theo đó vốn điều lệ của Công ty là: 318.277.000.000 đồng (Ba trăm mười tám tỷ, hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Mệnh giá cổ phần 10.000 đồng, tổng số cổ phần là 31.827.7000 cổ phần. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa theo Quyết định số 4524/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa V/v: Tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa; Quyết định số 4753/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa “Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thanh Hóa”.

Công ty có tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA
Tên Công ty viết tắt: THAWACO

Trụ sở chính: Số 99 đường Mật Sơn, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ của Công ty

Kết quả cổ phần hóa, cơ cấu vốn góp của chủ sở hữu của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ
1	UBND tỉnh Thanh Hóa (Phần vốn nhà nước)	267.081.600.000	83,92%
2	Các cổ đông khác	51.195.400.000	16,08%
	Tổng cộng	318.277.000.000	100%

Từ thời điểm kết thúc việc bán cổ phần đến ngày 27/05/2016 (thời điểm Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần). Phần vốn nhà nước tại đơn vị tăng thêm: 11.677.110.145 đồng do nhận bàn giao thêm tài sản từ UBND tỉnh Thanh Hóa. Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa V/v: Phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa, quyết toán kinh phí hỗ trợ cho người lao động dôi dư và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và Biên bản bàn giao Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa cho Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa ngày 02/11/2016 là: 278.758.710.145 đồng.

Cơ cấu vốn góp của chủ sở hữu của Công ty tại ngày 27/05/2016 theo QĐ số 4135/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa và Biên bản bàn giao ngày 02/11/2016 như sau:

STT	Tên cổ đông	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ
1	UBND tỉnh Thanh Hóa (Phần vốn nhà nước)	278.758.710.145	84,48%
2	Các cổ đông khác	51.195.400.000	15,52%
	Tổng cộng	329.954.110.145	100%

Công ty đang hoàn thiện các thủ tục tăng vốn điều lệ và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp với số vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 27/05/2016.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch các đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, quản lý các dự án phát triển cấp nước, các hệ thống cấp nước đô thị;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá, chi tiết: Sản xuất nước sạch;
- Xây dựng nhà các loại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, thủy lợi quy mô vừa và nhỏ, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35kv. Xây dựng, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và chất rắn thải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thẩm định, lập dự án, tổng dự toán và dự toán các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, giao thông, thủy lợi, dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, điện động lực, điện dân dụng, điện chiếu sáng, đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35kv. Thiết kế công trình hạ tầng; thiết kế công trình dân dụng, thiết kế kiến trúc công trình. Giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng, thủy lợi.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất, kinh doanh nước lọc tinh khiết và các sản phẩm từ nước lọc tinh khiết. Kinh doanh nước sạch, tổng thầu thực hiện các dự án cấp thoát nước theo hình thức chìa khóa trao tay. Thiết kế, chế tạo, sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, vật tư thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước và vệ sinh môi trường. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực cấp thoát nước và vệ sinh môi trường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Từ ngày 28/05/2016 Công ty chính thức chuyển từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hoá sang Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa. Do vậy đây là kỳ kế toán đầu tiên hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và được bắt đầu từ ngày 28 tháng 05 năm 2016 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo quy định của Chế độ Kế toán hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 15
Tài sản khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của đơn vị bao gồm phần mềm quản lý, giấy phép nhượng quyền. Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc và được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. TSCĐ vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao ước tính 5-10 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	28/05/2016
	VND	VND
Tiền mặt	500.885.600	2.243.932.800
Tiền gửi ngân hàng	1.933.150.469	8.592.370.755
Các khoản tương đương tiền (*)	38.000.000.000	13.400.000.000
Cộng	40.434.036.069	24.236.303.555

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chi tiết như sau:

Tài khoản	Số dư VND	Kỳ hạn	Lãi suất
0785000022146	1.000.000.000	1 tháng	4,30%
0785000022148	1.000.000.000	1 tháng	4,30%
0785000022149	2.000.000.000	1 tháng	4,30%
0785000022150	2.000.000.000	3 tháng	4,80%
0785000022151	3.000.000.000	3 tháng	4,80%
0785000023528	2.000.000.000	3 tháng	4,80%
0785000023531	3.000.000.000	3 tháng	4,80%
0785000023972	2.000.000.000	1 tháng	4,30%
0785000024197	3.000.000.000	3 tháng	4,80%
0785000024198	3.000.000.000	3 tháng	4,80%
0785000024196	5.000.000.000	3 tháng	4,80%
0785000024391	4.000.000.000	3 tháng	4,80%
0785000024752	3.000.000.000	1 tháng	4,30%
0785000025509	4.000.000.000	3 tháng	4,80%
Cộng	38.000.000.000		

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016	28/05/2016
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bạch Đằng 16	5.479.424.588	5.479.424.588
Ban QLDA Khu Kinh tế Nghi Sơn	13.717.149.000	5.497.663.000
UBND xã Thiệu Vân	2.377.004.600	305.355.100
CTy CP Đầu Tư và Xây dựng HUD4	1.398.994.919	1.398.994.919
UBND xã Quảng Cát	1.324.450.000	2.243.295.000
UBND xã Quảng Đức	1.681.207.700	1.425.249.800
Các đối tượng khác	20.325.177.831	16.980.056.735
Cộng	46.303.408.638	33.330.039.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	28/05/2016
	VND	VND
Tạm ứng	5.948.213.238	2.050.172.611
Phải thu về cổ phần hóa		3.400.000
Phải thu lãi tiết kiệm	699.677.390	151.214.098
Phải thu khác	9.802.901.133	12.583.822.031
Kinh phí công đoàn		745.840.252
Cộng	16.450.791.761	15.534.448.992

4. Hàng tồn kho

	31/12/2016		28/05/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.589.162.192	-	14.954.942.568	-
Công cụ, dụng cụ	802.538.449	-	773.057.885	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.207.180.956	-	9.212.971.672	-
Cộng	24.598.881.597	-	24.940.972.125	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓA
Số 99 Đường Mặt Sơn, Phường Đông Vệ
Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 28/05/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị văn phòng		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ									
Tại ngày 28/05/2016	283.255.888.735	91.059.785.406	495.241.844.987	1.700.623.593	871.258.142.721				
Mua trong kỳ	-	-	-	-	0				
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.617.466.476	5.877.572.380	76.649.375.017	-	84.144.413.873				
Tặng khác (*)	-	3.565.114.946	6.428.124.739	-	9.993.239.685				
Tại ngày 31/12/2016	284.873.355.211	100.502.472.732	578.319.344.743	1.700.623.593	965.395.796.279				
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ									
Tại ngày 28/05/2016	122.573.881.615	28.361.521.503	294.917.215.819	870.327.489	446.722.946.426				
Khấu hao trong kỳ	7.315.105.261	5.585.345.543	15.088.564.080	115.927.130	28.104.942.014				
Tại ngày 31/12/2016	129.888.986.876	33.946.867.046	310.005.779.899	986.254.619	474.827.888.440				
GIÁ TRỊ CÒN LẠI									
Tại ngày 28/05/2016	160.682.007.120	62.698.263.903	200.324.629.168	830.296.104	424.535.196.295				
Tại ngày 31/12/2016	154.984.368.335	66.555.605.686	268.313.564.844	714.368.974	490.567.907.839				

(*) Tăng khác trong kỳ là do điều chỉnh nguyên giá TSCĐ (đã tạm tăng) theo quyết định phê duyệt quyết toán của Chủ tịch Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 216.766.509.778 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm quản lý VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 28/05/2016	310.353.550	58.668.000	369.021.550
Tại ngày 31/12/2016	310.353.550	58.668.000	369.021.550
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 28/05/2016	249.883.968	51.823.400	301.707.368
Khấu hao trong kỳ	36.207.911	6.844.600	43.052.511
Tại ngày 31/12/2016	286.091.879	58.668.000	344.759.879
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 28/05/2016	60.469.582	6.844.600	67.314.182
Tại ngày 31/12/2016	24.261.671	-	24.261.671

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 VND	28/05/2016 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	938.954.545
Xây dựng cơ bản	3.414.014.853	18.602.183.891
Tuyến ống UPVC D280 cấp nước bổ sung KCN Lê Môn và khu vực lân cận	-	1.816.061.106
Lắp đặt tuyến ống chính Xã Thiệu Khánh, Thiệu Vân	-	4.000.313.353
Cấp nước 3 xã Hoàng Vinh, H.Thịnh, H.Đông H.Hóa	-	1.708.502.165
Nâng cấp nhà máy nước Hàm Rồng từ 20.000 lên 35.000m ³ /NGĐ	-	4.710.721.994
Nhà máy nước Quảng xương công suất 5.000 m ³ /Ngđ	689.068.064	637.861.309
Lắp đặt, đấu nối tuyến ống bổ sung gói GIPI, TPTH	771.459.407	111.518.808
Dự án tuyến ống truyền tải số 2 Thanh Hóa - Sầm Sơn	398.912.500	-
Lắp đặt hệ thống quản lý mạng bằng công nghệ thông tin	355.587.796	355.587.796
Chi nhánh xã Định Tân và các vùng phụ cận	457.924.000	-
Các công trình khác	741.063.086	5.261.617.360
Sửa chữa lớn tài sản cố định	35.066.006	-
Cộng	3.449.080.859	19.541.138.436

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓASố 99 Đường Mật Sơn, Phường Đông Vệ
Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 28/05/2016 đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MÃU SỐ B 09-DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2016	28/05/2016
	VND	VND
Lãi vay chờ vốn hóa	-	4.329.864.836
Chi phí sửa chữa TSCĐ	181.465	1.034.769.392
Lợi thế thương mại		701.678.300
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.808.889.356	2.589.277.274
Cộng	4.809.070.821	8.655.589.802

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		28/05/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Sông Chu	3.579.455.880	3.579.455.880	3.759.046.275	3.759.046.275
- Công ty TNHH Nga Anh	1.566.313.000	1.566.313.000	-	-
- UBND tỉnh Thanh Hóa - Dự án phát triển toàn diện KTXH-HP2	4.996.524.786	4.996.524.786	-	-
- Ban quản lý dự án 6 huyện		-	2.317.641.800	2.317.641.800
- Các đối tượng khác	4.724.239.750	4.724.239.750	2.572.919.978	2.572.919.978
Cộng	14.866.533.416	14.866.533.416	8.649.608.053	8.649.608.053

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓASố 99 Đường Mặt Sơn, Phường Đông Vệ
Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 28/05/2016 đến ngày 31/12/2016**MẪU SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	31/12/2016		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/bù trừ trong năm		28/05/2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
a. Các khoản phải thu							
Thuế giá trị gia tăng	77.692.744		11.372.120.600		11.297.748.347		152.064.997
Thuế tài nguyên	-		-		79.846.590		79.846.590
Thuế khác	-		-		178.418		178.418
Cộng	77.692.744		11.372.120.600		11.377.773.355		232.090.005
b. Các khoản phải trả							
Thuế thu nhập doanh nghiệp	378.119.480		1.409.051.243		1.710.957.451		680.025.688
Thuế Thu nhập cá nhân	252.708.900		252.708.900		0		
Thuế tài nguyên	86.353.940		458.737.120		372.383.180		51.634.799
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.056.462		72.621.024		122.199.361		630.034.022
Phí BVMT đối với nước thải	647.150.772		5.050.607.900		5.033.491.150		112.256.924
Các loại thuế, phí phải nộp khác	22.990.200		87.746.133		177.012.857		
Cộng	1.389.379.754		7.331.472.320		7.416.043.999		1.473.951.433

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. Chi phí phải trả

	31/12/2016	28/05/2016
	VND	VND
Phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định	7.474.000.000	-
Lãi vay phải trả	4.814.942.084	6.821.210.076
Cộng	12.288.942.084	6.821.210.076

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2016	28/05/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	256.314.926	-
Bảo hiểm xã hội	6.912.924	1.163.121.170
Bảo hiểm y tế	1.516.347	224.213.965
Bảo hiểm thất nghiệp	505.448	101.214.592
Phải trả về cổ phần hóa	-	1.009.410
Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.937.191.791	36.874.556.670
Cộng	48.202.441.436	38.364.115.807

CHỖ
CHỮ
KÝ
CHỮ
HỌ
TÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Vay và nợ thuế tài chính

a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2016		Trong kỳ		28/05/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	VND	VND	VND	VND
Tổng	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2016		Trong kỳ		28/05/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
NH phát triển Thanh Hóa- Dự án ADB (a)	32.070.689.224	32.070.689.224	-	4.276.091.896	36.346.781.120	36.346.781.120
NH phát triển Thanh Hóa- Dự án WB (b)	76.378.277.900	76.378.277.900	-	5.657.650.000	82.035.927.900	82.035.927.900
NH Ngoại thương Thanh Hóa- DA Hàm Rồng (c)	27.770.939.000	27.770.939.000	-	1.026.685.885	28.797.624.885	28.797.624.885
NH phát triển Thanh Hóa- Dự án PTTD-KTXH (d)	53.918.201.786	53.918.201.786	53.918.201.786	-	-	-
Cộng	190.138.107.910	190.138.107.910	53.918.201.786	10.960.427.781	147.180.333.905	147.180.333.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (a) Vay Ngân hàng Phát triển Thanh Hóa- Vốn vay ADB để đầu tư dự án Cấp nước và vệ sinh thành phố Thanh Hóa, lãi 4,8%/năm, phí quản lý 0,2%/năm. Gốc và lãi trả làm 36 kỳ trong 18 năm.
- (b) Vay Ngân hàng Phát triển Thanh Hóa dự án của WB theo khế ước nhận nợ khung vay vốn ODA số 401.V179.003 ngày 29/03/2010 giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển Thanh Hóa và Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa số tiền 4.766.052,27 USD, thời gian vay 20 năm, ân hạn 3 năm, lãi suất 3%/năm đã gồm 02,% phí quản lý. Trả nợ gốc và lãi 6 tháng 1 lần.
- (c) Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 8674973/2015.01/HĐTĐ ngày 12/02/2015 với tổng số tiền 29.682.624.885 đồng. Lãi suất từ 9,5% đến 10,5% năm cố định trong 5 năm đầu tiên từ ngày 12/3/2015.
- (d) Vay theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa để đầu tư dự án Phát triển toàn diện- Kinh tế xã hội TP Thanh Hóa ngày 10/8/2009. Số tiền vay là 8.573.000 USD. Đồng tiền nhận nợ là đồng Việt Nam. Thời hạn cho vay 20 năm, thời gian ân hạn là 6 năm. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi 6 tháng 1 lần. Lãi suất 3,83%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

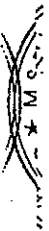
14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 28/05/2016	329.954.110.145	-	329.954.110.145
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	5.636.204.970	5.636.204.970
Số dư tại ngày 31/12/2016	329.954.110.145	5.636.204.970	335.590.315.115

b. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	28/05/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	31.827.700	31.827.700
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	31.827.700	31.827.700
+ Cổ phiếu thường	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.827.700	31.827.700
+ Cổ phiếu thường	31.827.700	31.827.700
Mệnh giá cổ phiếu 10.000đồng/cổ phiếu		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Số 99 đường Mật Sơn, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc Công ty đều trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành hai bộ phận hoạt động là bộ phận hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch và bộ phận xây dựng và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận sản xuất và cung cấp nước sạch: Sản xuất và cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Bộ phận xây dựng và dịch vụ khác: Xây dựng công trình theo hợp đồng xây dựng và giao khoán kinh doanh khách sạn.

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Sản xuất và cung cấp nước sạch	Hoạt động xây dựng và khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	431.347.031.540	64.114.716.661	495.461.748.201
Tài sản không phân bổ	-	-	127.179.118.759
Tổng tài sản			622.640.866.960
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	205.147.404.896	7.368.720.758	212.516.125.654
Nợ phải trả không phân bổ			72.217.043.391
Tổng nợ phải trả			284.733.169.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh từ 28/05/2016 đến 31/12/2016

	Sản xuất và cung cấp nước sạch VND	Hoạt động xây dựng và khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra	138.821.251.177	45.165.014.279	183.986.265.456
Tổng doanh thu	138.821.251.177	45.165.014.279	183.986.265.456
Giá vốn hàng bán và cung cấp	99.607.445.887	42.860.754.466	138.005.753.353
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	39.213.805.290	2.304.259.813	45.980.512.103
Chi phí phân bổ			-
Chi phí không phân bổ			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh			45.980.512.103
Doanh thu hoạt động tài chính			1.306.966.427
Lợi nhuận khác			25.065.924
Chi phí tài chính			4.452.774.139
Chi phí bán hàng			14.998.638.169
Chi phí quản lý doanh nghiệp			20.815.875.933
Lợi nhuận trước thuế			7.045.256.213
Chi phí thuế thu nhập doanh			1.409.051.243
Lợi nhuận trong kỳ			5.636.204.970

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 VND
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước sạch	138.825.681.077	97.111.943.473
Doanh thu hoạt động xây dựng	42.440.731.250	-
Doanh thu khác	2.724.283.029	-
Cộng	183.990.695.356	97.111.943.473

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 27/05/2016 VND
Tiền bán nước thu thừa trả lại	4.429.900	457.190.510
Cộng	4.429.900	457.190.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 27/05/2016
	VND	VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sạch	95.144.998.887	72.229.676.253
Giá vốn hoạt động xây dựng	40.569.583.501	
Giá vốn của hoạt động khác	2.291.170.965	
Cộng	138.005.753.353	72.229.676.253

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 27/05/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.306.966.427	486.229.876
Cộng	1.306.966.427	486.229.876

5. Chi phí tài chính

	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 27/05/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.452.774.139	3.215.584.814
Cộng	4.452.774.139	3.215.584.814

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 27/05/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.045.256.213	4.250.499.422
Thu nhập chịu thuế	7.045.256.213	4.250.499.422
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	1.409.051.243	847.172.964
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.409.051.243	847.172.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 27/05/2016
	VND	VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.636.204.970	3.403.326.458
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	281.810.249	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.354.394.722	3.403.326.458
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.827.700	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>168</u>	<u>-</u>

(*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định tại Điều lệ Công ty với tỷ lệ là 5%.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016	Từ 01/01/2016 đến 27/05/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	52.761.113.773	21.783.282.985
Chi phí nhân công	54.251.678.303	22.934.118.578
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.147.994.525	18.855.483.564
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.886.634.281	10.655.903.265
Chi phí khác bằng tiền	16.431.460.996	8.646.102.296
Cộng	<u>174.478.881.878</u>	<u>82.874.890.688</u>

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	28/05/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.434.036.069	24.236.303.555
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.291.753.399	48.864.488.134
Cộng	98.725.789.468	73.100.791.689
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	190.138.107.910	152.180.333.905
Phải trả người bán và phải trả khác	60.751.592.052	47.013.723.860
Chi phí phải trả	12.288.942.084	6.821.210.076
Cộng	263.178.642.046	206.015.267.841

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

I. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.434.036.069	-	40.434.036.069
Phải thu khách hàng và phải thu khác	58.291.753.399	-	58.291.753.399
Cộng	98.725.789.468	-	98.725.789.468
31/12/2016			
Các khoản vay	-	190.138.107.910	190.138.107.910
Phải trả người bán và phải trả khác	60.751.592.052	-	60.751.592.052
Chi phí phải trả	12.288.942.084	-	12.288.942.084
Cộng	73.040.534.136	190.138.107.910	263.178.642.046
Chênh lệch thanh khoản thuần	25.685.255.332	(190.138.107.910)	(164.452.852.578)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THANH HÓASố 99 Đường Mật Sơn, Phường Đông Vệ
Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 28/05/2016 đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

28/05/2016	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.236.303.555	-	24.236.303.555
Phải thu khách hàng và phải thu khác	48.864.488.134	-	48.864.488.134
Cộng	73.100.791.689	-	73.100.791.689
28/05/2016			
Các khoản vay	5.000.000.000	147.180.333.905	152.180.333.905
Phải trả người bán và phải trả khác	47.013.723.860	-	47.013.723.860
Chi phí phải trả	6.821.210.076	-	6.821.210.076
Cộng	58.834.933.936	147.180.333.905	206.015.267.841
Chênh lệch thanh khoản thuần	14.265.857.753	(147.180.333.905)	(132.914.476.152)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Thu nhập Ban Giám đốc**

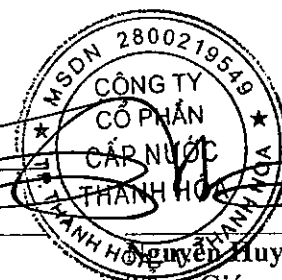
	Từ 28/05/2016 đến 31/12/2016 VND
Tổng thu nhập	1.248.921.228
Cộng	1.248.921.228

3. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

4. Số liệu so sánh

Công ty được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần (thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước) từ ngày 28 năm 05 năm 2016. Theo đó, số đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán và số kỳ trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo quy định tại Điều 104 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Do vậy số liệu tại ngày 28 tháng 05 năm 2016 và số liệu từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 27 tháng 05 năm 2016 không thể so sánh được với số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 28 tháng 05 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Hồ Chí Trung
Người lậpHồ Chí Trung
Kế toán trưởngNguyễn Huy Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2017